**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

***TUẦN 2: Từ ngày 12/09/2022 đến ngày 17/09/2022***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỨ** | **MÔN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI DẠY** | **GHI CHÚ** |
| HAI  12/9 | **Tiếng việt**  **Tập đọc** | 1 | Đọc *Ngày hôm qua đâu rồi* |  |
| **Tiếng việt**  **Tập đọc** | 2 | Đọc *Ngày hôm qua đâu rồi* |  |
| **Mỹ thuật** | 1 | Bầu trời và biển (tiết 2) |  |
| **Toán** | 1 | Số bị trừ - số trừ - Hiệu (tiết 1) |  |
| **HĐTN** | 1 | SHDC: Tham gia học tập nội quy nhà trường |  |
| BA  13/9 | **Tiếng việt**  **Tập viết** | 3 | Viết chữ hoa *A, Ă* |  |
| **Tiếng việt**  **Từ và câu** | 4 | Từ *chỉ sự vật*. Câu kiểu Ai là gì? |  |
| **Toán** | 1 | Số bị trừ - số trừ - Hiệu (tiết 2) |  |
| **Tiếng Anh bản ngữ** | 2 | Starter Lesson 2 |  |
| **Tiếng Anh bản ngữ** | 1 | Starter Lesson 2 |  |
| TƯ  14/9 | **Tiếng việt**  **Tập đọc** | 5 | Đọc *Út Tin* |  |
| **Tiếng việt**  **Nghe –viết** | 6 | Nhìn – viết *Ngày hôm qua đâu rồi?* /Bảng chữ cái.Phân biệt *g/gh* |  |
| **Toán** | 3 | Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu (tiết 1) |  |
| **GDTC** | 1 | Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn (tiết 2) |  |
| **HĐTN** | 2 | SHCĐ: Tìm hiểu và đề xuất những việc làm có thê xây dựng hình ảnh của bản thân. |  |
| NĂM  15/9 | **Tiếng Anh tăng cường** | 7 | Starter Lesson 1 |  |
| **Tiếng Anh tăng cường** | 8 | Starter Lesson 1 |  |
| **Toán** | 1 | Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu (tiết 2) |  |
| **Tiếng việt**  **MRVT** | 4 | MRVT *Trẻ em* (tt) |  |
| **Tiếng việt**  **Nói –đáp; Kể chuyện** | 2 | Nghe kể *Thử tài* |  |
| SÁU  16/9 | **Tiếng việt**  **TLV** | 9 | Viết *thời gian biểu* |  |
| **Tiếng việt**  **Đọc mở rộng** | 10 | Đọc một *bài đọc về trẻ em* |  |
| **GDTC** | 5 | Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn (tiết 3) |  |
| **Toán** | 1 | Em làm được những gì (tiết 1) |  |
| **TNXH** | 2 | Các thế hệ trong gia đình (tiết 3) |  |
| BẢY  17/9 | **Đạo đức** | 2 | Quý trọng thời gian (tiết 2) |  |
| **Âm nhạc** | 1 | Học hát: ngày mùa vui lời 2Nhạc cụ: làm quen gõ thanh phách. Luyện tập mẫu âm |  |
| **KNS** | 1 | Lắng nghe tích cực (tiết 2) |  |
| **TNXH** | 1 | Nghề nghiệp của người thân trong gia đình (tiết 1) |  |
| **HĐTN** | 3 | SHL: Tham gia xây dựng nội quy lớp học. |  |

**Thứ Hai ngày 22 tháng 9 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT.**

***Bài : NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?***

***Đọc: Ngày hôm qua đâu rồi?***

***(Tiết 1 + 2)***

***I. Mục tiêu:***

Giúp HS:

\*Kiến thức:

1. Biết cách xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian; biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian; tìm được 3 – 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.

3. Trao đổi những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.

\* Phẩm chất, năng lực

**- NL**: Hình thành các NL chung, phát triển NL ngôn ngữ, NL văn học. Năng lực hợp tác và khả năng làm việc nhóm.

- PC: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái. Có ý thức tập thể và trách nhiệm cá nhân

***II. Chuẩn bị:***

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

– Tờ lịch ngày hôm trước buổi học.

– Ảnh hoặc tranh vẽ các bạn trong lớp để chơi trò chơi

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***Hoạt động của Giáo viên*** | ***Hoạt động của Học sinh*** |
| ***5’*** | ***A.Hoạt động khởi động:***  –GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những nội dung có trên tờ lịch và ích lợi của lịch (có thể sử dụng tờ lịch ngày hôm trước để dễ kết nối): thứ, ngày, tháng, năm,...  – GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới Ngày hôm qua đâu rồi?  – GV yêu cầu HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,… | * Hs nghe và nêu suy nghĩ * HS chia sẻ trong nhóm * HS quan sát * HS đọc |
|  | ***B. Khám phá và luyện tập***  ***1. Đọc*** |  |
| ***10’*** | * 1. ***Luyện đọc thành tiếng***   ***1. Đọc***  ***1.1. Luyện đọc thành tiếng***  – GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng ba vui vẻ, thể hiện sự ân cần).*  – GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *toả hương, ước mong*,…; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.  – GV yêu cầu HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. | * HS nghe đọc * HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp |
| ***20’*** | * 1. **Luyện đọc hiểu**   – GV yêu cầu HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *gặt hái (thu hoạch), ước mong (mong muốn, ước ao),...*  – Cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.   * Yêu cầu HS nêu nội dung bài đọc   – HS liên hệ bản thân: *chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian* | * HS giải nghĩa * HS đọc thầm * HS chia sẻ   ***GDHS*** *:Cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian.* |
| ***15’*** | * 1. ***Luyện đọc lại***   – Yêu cầu HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.  – GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.  – Yêu cầu HS luyện đọc câu hỏi của bạn nhỏ trước lớp, luyện đọc trong nhóm 2 khổ thơ đầu.  – Yêu cầu HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).  – Yêu cầu HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.6  – Yêu cầu Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.  – GV nhận xét | ***-***– HS nhắc lại nội dung bài  – HS nghe GV đọc  – HS luyện đọc  – HS luyện đọc thuộc lòng   * HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp. |
| ***17’*** | * 1. ***Luyện tập mở rộng***   – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Trang vở hồng của em.*  – HD HS đọc lại bài thơ, trao đổi trong nhóm đôi, tìm từ ngữ chỉ đồ vật *(lịch, vở)*  - HD HS có thể nói tờ lịch/ quyển lịch, quyển vở); chỉ cây cối *(hồng, lúa )*  – Hd HS có thể nói cây hoa/ bông hồng, cây lúa); chỉ hoạt động *(cầm, ra, hỏi, trồng, gặt hái, học hành).*  – Cho HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe   * GV nhận xét kết quả. | – HS xác định yêu cầu  – HS đọc lại bài thơ, trao đổi trong nhóm đôi, tìm từ ngữ   * HS chia sẻ trước lớp |
| ***3’*** | ***C.Hoạt động củng cố và nối tiếp:4’***  (?) Nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

***Rút kinh nghiệm :***

**MĨ THUẬT**

***BẦU TRỜI VÀ BIỂN ( Tiết 2 )***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Mức độ, yêu cầu cần đạt.**

- Kể tên được một số màu đậm, màu nhạt, nêu được cách phối hợp các màu đậm, nhạt trong các sản phẩm mĩ thuật.

- Cảm nhận được sự hài hòa, chuyển động của chấm, nét, hình, màu,…trong các sản phẩm mĩ thuật.

- Tạo được sản phẩm mĩ thuật về cảnh vật và sự sống dưới đại dương theo hình thức vẽ, xé và cắt, dán.

- Nhận ra vẻ đẹp của đại dương, yêu thiên nhiên và có ý thức giữ gìn môi trường sạch, đẹp.

**2. Năng lực.**

***Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***Năng lực chuyên biệt:***

- Bước đầu hình thành một số tư duy về chấm, nét, hình, màu trong mĩ thuật

Tạo ra được các sản phẩm mĩ thuật về cảnh vật và sự sống dưới đại dương theo nhiều hình thức.

**3. Phẩm chất.**

- Bồi dưỡng tình yêu thương giũa con người và các con vật sống dưới đại dương mênh mông.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Đối với giáo viên.**

- Giáo án, SGK, SGV.

- Ảnh, tranh vẽ bầu trời và biển, video về các con vật dưới đại dương.

**2. Đối với học sinh.**

- SGK.

- Giấy vẽ, bút chì, tẩy, màu vẽ, kéo, hồ dán.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** - **SÁNG TẠO.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Vẽ và cắt, dán tranh về bầu trời và biển.** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\* Hoạt động khởi động:**  - GV: Cho HS hát bài hát đầu giờ.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi.  **a. Mục tiêu:**  - Bước đầu phân tích được sự phố hợp màu đậm, màu nhạt trong tranh, ảnh.  **b. Nhiệm vụ của GV.**  - Hướng dẫn HS lựa chọn, pha màu theo cảm nhận và thực hiện bài tập.  **c. Gợi ý cách tổ chức.**  - Hướng dẫn HS thực hành bài vẽ và cách phối hợp các màu hài hòa, linh hoạt khi vẽ.  - Khuyến khích hổ trợ HS vẽ và cắt dán hình thuyền để dán vào mặt biển trong bài vẽ sau khi vẽ xong màu.  **d. Câu hỏi gợi mở:**  *+ Em chọn những màu nào để vẽ phần bầu trời? Màu nào để vẽ mặt biển? Vì sao?*  *+ Tại sao mặt biển cần màu đậm?*  *+ Em vẽ chiếc thuyền to hay nhỏ để cắt dán vào sản phẩm mĩ thuật? Hình dáng thuyền như thế nào? Có buồm không?*  *+ Em có muốn trang trí thêm gì cho bức tranh không?*  **\* Cách vẽ:**  - Trước khi vào bài thực hành, GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi để nắm chắc kiến thức lí thuyết cho bài vẽ của mình hơn:  + Bước 1:  - Chọn màu vẽ.  + Bước 2:  - Tạo bức tranh về bầu trời và biển theo ý thích.  + Bước 3:  - Vẽ và cắt, dán thêm thuyền, máy… để bức tranh về bầu trời và biển sinh động hơn.  ***\* GV chốt:*** *Vậy là các em đã thực hiện các cách vẽ tranh về bầu trời và biển theo ý thích ở hoạt động 3.* | - HS hát đều và đúng nhịp.  - HS cùng chơi.  - HS lắng nghe, cảm nhận.  - HS lựa chọn, pha màu theo cảm nhận.  - HS thực hành.  - HS thực hành.  *- HS lắng nghe, cảm nhận.*  - HS trả lời.  - HS thực hành các bước vẽ.  - *HS lắng nghe, hi nhớ.* |

**D. HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH** - **ĐÁNH GIÁ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 4: Trưng bày sản phẩm và chia sẻ.** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **a. Mục tiêu:**  - Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên trong tranh, ảnh.  **b. Nhiệm vụ của GV.**  - Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và chia sẻ cảm nhận về độ đậm, nhạt của màu sắc trong sản phẩm.  **c. Gợi ý cách tổ chức.**  - Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm, hoặc trưng bày chung cả lớp.  - Khuyến khích HS giới thiệu, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về màu sắc, độ đậm nhạt trong các sản phẩm của mình hay của các bạn.  - Nêu câu hỏi cho HS thảo luận để nhận biết thêm vẻ đẹp trong cách phối hợp màu sắc.  **\* Trưng bày sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm theo nhóm. Yêu cầu HS giới thiệu, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về màu sắc, độ đậm, nhạt trong các sản phẩm của mình và của các bạn.  - HS thực hiện yêu cầu của GV.  + Em ấn tượng với sản phẩm mĩ thuật nào? Vì sao?  + Sản phẩm mĩ thuật của bạn/của em có những màu nào là màu đậm, màu nhạt?  + Sản phẩm mĩ thuật mang đến cho em cảm giác gì?  + Em thích nhất chi tiết nào ở sản phẩm của mình/của bạn?  + Em còn muốn điều chỉnh gì ở sản phẩm của mình để rõ màu đậm, nhạt hơn không?  - GV thu một số sản phẩm của HS để trưng bày  ***\* GV chốt:*** *Vậy là các em đã thực hiện các cách trưng bày sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn, về bầu trời và biển theo ý thích.*  *- GV đánh giá, nhận xét bài thực hành vẽ của HS ở hoạt động 4.* | - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS trưng bày sản phẩm theo nhóm.  - HS trưng bày và chia sẻ cảm nhận về tranh của mình và của các bạn trong nhóm theo gợi ý:  - HS thực hiện.  *- HS trả lời.*  *- HS trả lời.*  - HS thực hiện.  *- HS lắng nghe, ghi nhớ.* |

**E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** - **PHÁT TRIỂN.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 5: Tìm hiểu màu đậm, màu nhạt trong tự nhiên.** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **a. Mục tiêu:**  - Thông qua hoạt động, HS được quan sát ảnh chụp thiên nhiên ở các thời điểm khác nhau, chia sẻ cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên; chỉ ra được màu đậm, màu nhạt trong mỗi bức ảnh.  **b. Nhiệm vụ của GV.**  - Khuyến khích và cho HS quan sát ảnh chụp thiên nhiên, chỉ ra màu đậm, màu nhạt trong mỗi bức tranh.  **c. Gợi ý cách tổ chức.**  - GVcho HS xem hình ảnh về các thời điểm sáng, tối, trời nắng, tời mưa và thảo luận về đậm, nhạt của màu sắc trong các hiện tượng ngoài tự nhiên.  - Có thể gợi ý HS chia sẻ những kỷ niệm hay câu chuện liên quan đén những dự báo thời tiết thông qua độ đậm, nhạt của cảnh vật ngoài thiên nhiên.  - Nêu câu hỏi để HS thảo luận.  **d. Câu hỏi gợi mở:**  *- Những khi trời sắp mưa, khung cảnh thường có màu như thế nào?*  *- Màu sắc đậm, nhạt trong thiên nhiên cho ta cảm giác thế nào về thời gian trong ngày?*  *- Bức ảnh nào cho ta cảm giác nhiều màu nhạt?*  *- Bức ảnh nào có màu đậm, màu nhạt xen kẻ?*  ***\* GV chốt:*** *Tóm tắt: Vậy là các em đã hiểu, để ghi nhớ độ đậm nhạt của màu sắc có thể diễn tả được thời gian trong tranh, ảnh ở hoạt động 5.*  **\* Nhận xét, dặn dò.**  - Củng cố tiết học, nhận xét HS hoàn thành, và chưa hoàn thành.  - Chuẩn bị tiết sau. | - HS được quan sát ảnh chụp thiên nhiên ở các thời điểm khác nhau, chia sẻ cảm nhận.  - HS quan sát ảnh chụp thiên nhiên, chỉ ra màu đậm, màu nhạt trong mỗi bức tranh.  - HS xem hình ảnh về các thời điểm sáng, tối, trời nắng, tời mưa và thảo luận về đậm, nhạt của màu sắc trong các hiện tượng ngoài tự nhiên.  *- HS lắng nghe, cảm nhận.*  *- HS lắng nghe, ghi nhớ.*  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

***Rút kinh nghiệm :***

**TOÁN**

***SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ - HIỆU ( Tiết 1)***

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.

- Ồn tập phép trư trong phạm vi 10, 100

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh nhất?”  + GV đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1: tính ngang, đội 2: đặt tính).  -Trong một đội, ai nhanh nhất, đúng nhất được gắn thẻ lên bảng. **69 + 21 = 48**   |  |  | | --- | --- | | - | **69** | | **21** | |  | **48** |   - Cả lớp nhận xét - GV nhận xét. | - HS chơi  ***-***HS lắng nghe |
| **B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:** | | |
| ***10’*** | *Hoạt động 1.* *Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ*  GV viết lại phép tính lên bảng lớp: 69 - 21 = 48  GV lần lượt chi vào 48, 21,69, HS nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **69** | **-** | **21** | **=** | **48** | |  |  |  |  |  | | Số bị trừ |  | Số trừ |  | Hiệu |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **69** |  | Số bị trừ. | | **21** |  | Số trừ. | | **48** |  | Hiệu. |   GV nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu. | -  -HS lắng nghe  -HS trả lời  Số bị trừ: 69; số trừ: 21; Hiệu: 48 |
| ***15’*** | ***Hoạt động 2:Thực hành***  ***\*Gọi tên các thành phần của phép trừ***  - HS (nhóm đôi) gọi tên các thành phần của các phép trừ (theo mẫu).  - GV nên đưa thêm một số phép trừ khác. Chẳng hạn: 7 - 5 = 2, 74 + 31 = 43 , 96 + 6 = 69,...  \****Viết phép trừ***  -GV hướng dẫn HS viết phép trừ ( hàng ngang và đặt tính):  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS viết phép trừ  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm :***

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHÀO CỜ**

**SHDC*: THAM GIA HỌC TẬP NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG***

**Thứ Ba ngày 13 tháng 9 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT.**

***Bài : NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI***

***Viết: Chữ hoa Ă- Â***

***Từ và câu***

***(Tiết 3 + 4)***

***I. Mục tiêu:***Giúp HS:

\*Kiến thức:

1. Viết đúng kiểu chữ hoa Ă, Â và câu ứng dụng.

2. Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu. Tìm và đặt câu giới thiệu một bạn cùng lớp.

3. Trao đổi những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.

**\* Phẩm chất, năng lực**.

- Có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ.

- Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận

***II. Chuẩn bị:***

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

– Mẫu chữ viết hoa Ă, Â.

– Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

– Ảnh hoặc tranh vẽ các bạn trong lớp để chơi trò chơi

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***Hoạt động của Giáo viên*** | ***Hoạt động của Học sinh*** |
| ***3’*** | ***A.Hoạt động khởi động:***  - GV cho HS bắt bài hát  - GV giới thiệu bài: Tập viết chữ hoa Ă, Â và câu ứng dụng.  - GV ghi bảng tên bài | * Hs hát * HS lắng nghe |
| ***10’*** | ***2. Viết***  ***2.1. Luyện viết chữ Ă, Â hoa***  –Cho HS quan sát mẫu chữ Ă hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Ă hoa.  ***Chữ Ă***  *Cấu tạo: gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược.*  *\* Cách viết:*  *-Viết như chữ A.*  *- Lia bút đến ĐK ngang 4, viết nét lượn võng và dừng bút bên phải ĐK dọc 3.*  ***Chữ Â***  *\* Cấu tạo: gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ.*  *\* Cách viết:*  *- Viết như chữ A.*  *- Lia bút đến dưới ĐK ngang 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái và dừng bút dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 3.*  – GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ă hoa.  – Yêu cầu HS quan sát và so sánh chữ Ă hoa và chữ Â hoa.  – GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Â hoa.  – HD HS viết chữ Ă, Â hoa vào bảng con.  –HD HS tô và viết chữ Ă, Â hoa vào VTV | ***-***– HS quan sát mẫu  – HS quan sát GV viết mẫu  – HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ă , Âhoa.  – HS viết chữ Ă, Â hoa vào bảng con, VTV |
| ***10’*** | ***2.2. Luyện viết câu ứng dụng***  –Yêu cầu HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Ăn chậm nhai kĩ.”*  – GV nhắc lại quy trình viết chữ Ă hoa và cách nối từ chữ Ă hoa sang chữ n.  – GV viết chữ Ăn.  – HD HS viết chữ Ăn và câu ứng dụng “Ăn chậm nhai kĩ.” vào VTV  GDHS: Về kinh nghiệm ăn uống để thức ăn được tiêu hóa tốt nhất và ít ảnh hưởng đến cơ quan tiêu hóa. | – HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng  – HS nghe GV nhắc lại quy trình viết   * HS quan sát   – HS viết |
| ***7’*** | ***2.3. Luyện viết thêm***  –Yêu cầu HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:  *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.*  *Ca dao*  – HD HS viết chữ Ă hoa, chữ Ăn và câu ca dao vào VTV | – HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao   * HS viết vào VTV |
| ***5’*** | ***2.4. Đánh giá bài viết***  – GV yêu cầu HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.  – GV nhận xét một số bài viết. | – HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.  – HS nghe GV nhận xét một số bài viết. |
| ***12’*** | 1. ***Luyện từ***   – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 3.  – Cho HS quan sát tranh, đọc mẫu, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. Chia sẻ kết quả trước lớp. Mỗi tranh HS có thể nói các từ ngữ khác nhau. VD: Tranh 2: bạn nam, bạn nữ/ đôi bạn,…  – GV nhận xét kết quả.  – Yêu cầu HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối. | – HS xác định yêu cầu  – HS kể tên các việc đã làm ở nhà |
| ***13’*** | 1. ***Luyện câu***   ***4.1. Nhận diện câu giới thiệu***  –Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát các đáp án (GV có thể giải thích thêm: Câu giới thiệu là câu được dùng để cho biết một vài điều cần thiết, như họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ,… của bản thân hoặc một người nào đó).  – Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, chọn đáp án đúng (Em là học sinh lớp Hai).  – Yêu cầu HS nêu và giải thích lí do chọn đáp án thứ nhất.  – GV nhận xét | – HS xác định yêu cầu của BT 4  -HS làm BT  – HS chơi trò chơi Truyền điện để nói miệng câu vừa đặt.  – HS viết vào VBT  ­– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn |
|  | ***4.2. Đặt câu giới thiệu***  –Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 4b, quan sát câu mẫu.  –HD HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.  – HS chơi trò chơi Truyền hoa để nói miệng câu vừa đặt.  – HS nghe bạn và GV nhận xét câu.  – Yêu cầu HS viết vào VBT 1 – 2 câu giới thiệu một bạn cùng lớp | – HS xác định yêu cầu của BT 4b, quan sát câu mẫu.  – HS đặt câu  – HS chơi trò chơi  – HS viết vào VBT  – HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn |
| ***7’*** | ***C. Vận dụng***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn hoặc người thân những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.*   * GV hướng dẫn những nội dung có thể trao đổi với bạn bè hoặc người thân:   + Những việc em thường làm vào cuối tuần và thời gian em làm mỗi việc.  + Những khoảng thời gian trống  + Những việc em nên làm vào những khoảng thời gian trống. + …  – GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp hoặc trao đổi với người thân ở nhà.  – HS nói trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét cách em sử dụng thời gian cuối tuần. | – HS xác định yêu cầu của hoạt động  – HS nghe  – HS thực hiện hoạt động theo nhóm đôi.  – HS nói trước lớp và chia sẻ |
| ***3’*** | ***C.Hoạt động củng cố và nối tiếp:4’***  (?) Nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

***Rút kinh nghiệm :***

**TOÁN**

***SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ - HIỆU ( Tiết 2)***

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.

- Ồn tập phép trư trong phạm vi 10, 100

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát |
| **B.LUYỆN TẬP :** | | |
| ***10’*** | *Hoạt động: Luyện tập*  *\*Bài 1:*  HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu là thực hiện phép tính trừ   * HS thực hiện (bảng con). t \* \* t (\_ 11 * HD HS sửa bài: * HS làm trên bảng lớp * HS gọi tên các thành phần của phép tính. * - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm ở bảng con  -HS trả lời |
| ***15’*** | **Bài 2:**   * Tìm hiểu bài. * Yêu cầu của bài là gi? (Tính nhẩm)   -HS làm bài theo nhóm đôi (đọc phép tínli và nói kết quả cho bạn nghe).  -HS nêu  -G nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**   * Tìm hiểu bài * Yêu cầu của bài là gì? (Số?). * Tìm thế nào?   (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, tính từ trên xuống:  8gồm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?).   * HS iàm bài theo nhóm đôi. * Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 4:**   * Tìm hiểu bài. * Yêu cầu của bài là gì? (Số?). * Tìm thế nào? (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu (?) * HS làm bài.   GV lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm ửa kết quả.   * Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 5:**   * Tìm hiểu, nhận biết: hiệu của hai số trên mỗi bó cỏ là số của con bò. Ví dụ: Hiệu của 25 và 20 là 5, đây là bó cỏ của con bò số 5. * Khi sửa bài, yêu cầu HS nói kết quả tìm được. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Trò chơi: HỎI NHANH - ĐÁP GỌN  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép trừ. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thànli phần của phép tính.  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS chơi trò chơi  -HS trả lời, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm :***

**Thứ Tư ngày 14 tháng 9 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT.**

***Bài : ÚT TIN***

***Đọc:Út Tin***

***Nhìn viết: Ngày hôm qua đâu rồi***

***(Tiết 1 + 2)***

***I. Mục tiêu:*** Giúp HS:

\*Kiến thức:

1. Nói về những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc; biết liên hệ bản thân: tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.

**\* Phẩm chất, năng lực**

- Có hứng thú học tập , ham thích lao động

***II. Chuẩn bị:***

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

– Bài viết đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em để hướng dẫn HS luyện đọc.

– Bài viết chính tả để HS nhìn – viết.

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***Hoạt động của Giáo viên*** | ***Hoạt động của Học sinh*** |
| ***5’*** | ***A.Hoạt động khởi động:***  – Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những điểm đáng yêu ở một người bạn (có thể chọn bạn cùng lớp hoặc bạn ở nhà). – HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,…  – GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới Út Tin. | * HS chia sẻ trong nhóm * HS quan sát * HS quan sát GV ghi tên bài đọc mới |
|  | ***B. Khám phá và luyện tập***  ***1. Đọc*** |  |
| ***10’*** | * 1. ***Luyện đọc thành tiếng***   – GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc. Hai câu cuối giọng vui, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn).  – GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xén, lém lỉnh, trêu*,…; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Tôi thấy như/ có trăm vì sao bé tí/ cùng trốn trong mắt em. //; Hai má phúng phính/ bỗng thành cái bánh sữa/ có rắc thêm mấy hạt mè. //;…*  – Yêu cầu HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp | * HS nghe * HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp |
| ***12’*** | * 1. ***.Luyện đọc hiểu***   – Yêu cầu HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *vệt (hình dài nổi rõ trên bề mặt một vật, do tác động của một vật khác đi qua,…), dô (lồi cao lên hoặc nhô ra phía trước quá mức bình thường), lém lỉnh (tỏ ra tinh khôn), hếch (chếch lên phía trên), hệt (giống đến mức trông không khác một chút nào), phúng phính (béo, căng tròn (thường dùng gợi tả mặt, má của trẻ em)), bẹo (véo),…*  – Cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. | * HS giải nghĩa * HS đọc thầm * HS chia sẻ |
| ***8’*** | * 1. ***Luyện đọc lại***   – Yêu cầu HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.  – GV đọc lại đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em.  – Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em.  – HS khá, giỏi đọc cả bài.  – Yêu cầu HS nêu nội dung bài đọc  – Yêu cầu HS liên hệ bản thân: *cần tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.* | ***-***– HS nhắc lại nội dung bài  – HS luyện đọc  ***ND*** *:Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc*  – HS liên hệ bản thân |
| ***17’*** | ***2. Viết***  ***2.1. Nhìn – viết***  – Yêu cầu HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ.  – HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: gặt hái, ước mong,...  – HD HS nhìn viết từng dòng thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)  – Yêu cầu HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.  – HS nghe GV nhận xét một số bài viết | – HS xác định yêu cầu  – HS đánh vần  – HS nhìn viết vào VBT  – HS soát lỗi  – HS nghe bạn nhận xét bài viết  – HS nghe GV nhận xét một số bài viết |
| ***7’*** | ***2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái***  – Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr.22 SHS.  – HD HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.  – HD HS chơi trò Tiếp sức ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.  –Yêu cầu HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành  . – HD HS học thuộc bảng chữ cái. | -– HS đọc yêu cầu BT  – HS chơi trò Tiếp sức  – HS học thuộc bảng chữ cái |
| ***8’*** | ***2.3. Luyện tập chính tả***  *Phân biệt g/gh*  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 2(c).  – HD HS quan sát tranh, thực hiện BT vào VBT.  – Yêu cầu HS nêu kết quả và nói thời gian bạn nữ làm mỗi việc trong ngày. | ­– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).  – HS quan sát tranh và nêu kết quả |
| ***3’*** | ***C.Hoạt động củng cố và nối tiếp:4’***  (?) Nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

***Rút kinh nghiệm:***

**TOÁN**

***NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)***

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.

* Vận dụng GQVĐ liên quan:

- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| **B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:** | | |
| ***10’*** | *Hoạt động 1.* Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn  -Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch.  -HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận biết  -GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn:   * Số kẹo bạn trai là số bé (6). * Sổ kẹo bạn gái là số lớn (9). * Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch).   Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu?  HS viết ra bảng con: 9 - 6 = 3 (tìm phần chênh lệch).   * GV chi vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói:   Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo.  Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. | -HS thực hiện  -HS quan sát nhận biết  +Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.  +Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo  -HS quan sát  -HS viết ở bảng con  -Nhận xét |
| ***15’*** | ***Hoạt động 2:Thực hành***  ***Bài 1:*** HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương  ***Bài 2:*** GV hd, HS nhận biết các việc cần làm   * Quan sát hình ảnh.   Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch.   * Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch. * Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận.   - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

GIÁO DỤC THỂ CHẤT

# Bài 1: CHUYỂN ĐỘI HÌNH HÀNG DỌC, HÀNG NGANG THÀNH ĐỘI HÌNH VÒNG TRÒN.

**( tiết 2)**

1. **Mục tiêu bài học**
   1. **Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

* Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

# Về năng lực:

* + 1. **Năng lực chung:**
* Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn trong sách giáo khoa.
* Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

# Năng lực đặc thù:

* NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
* NL vận động cơ bản: Thực hiện được cách chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được cách chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn.

# Địa điểm – phương tiện

**- Địa điểm**: Sân trường

# - Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

# Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp dạy học chính: Làm mẫu, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi và thi đấu.
* Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt( tập thể), tập theo nhóm.

# Tiến trình dạy học

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu** | 5 – 7’ |  |  | Đội hình nhận lớp         * HS khởi động theo GV. * HS Chơi trò chơi.    -------   -------     * Đội hình HS quan sát tranh         HS quan sát GV làm mẫu |
| Nhận lớp |  |  | Gv nhận lớp, thăm |
|  |  |  | hỏi sức khỏe học sinh |
|  |  |  | phổ biến nội dung, |
|  |  |  | yêu cầu giờ học |
| Khởi động |  | 2x8N | - GV HD học sinh |
| - Xoay các khớp cổ |  |  | khởi động. |
| tay, cổ chân, vai, |  |  |  |
| hông, gối,...  - Trò chơi “chạy | 2-3’ |  | - GV hướng dẫn chơi |
| nhanh vào ô” |  |  |  |
| TC chạy nhanh vào ô |  |  |  |
| **II. Phần cơ bản:** | 16-18’ |  |  |
| **- Kiến thức.**  - Chuyển đội hình hàng ngang thành |  |  | Cho HS quan sát tranh |
| đội hình vòng tròn. |  |  |  |
|  |  |  | GV làm mẫu động |
|  |  |  | tác kết hợp phân tích |
|  |  |  | kĩ thuật động tác. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| chuyển đội hình hàng ngang thành vòng tròn  chuyển đội hình hàng ngang thành vòng tròn 2  - Ôn chuyển đội hình hàng dọc thành đội hình vòng tròn.  -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Thi đua giữa các tổ  - Trò chơi “bỏ khăn”. |  | 1. lần 2. lần   1 lần | Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  Cho 1 tổ lên thực hiện cách chuyển đội hình.  GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương   * GV hô - HS tập theo GV. * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS * GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. * GV và HS nhận xét đánh giá tuyên   dương. | HS tiếp tục quan sát  - Đội hình tập luyện đồng loạt.        ĐH tập luyện theo tổ            GV    * Từng tổ lên thi đua * trình diễn |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TC bỏ khăn  - Bài tập PT thể lực:  **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**   * Thả lỏng cơ toàn thân. * Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.   Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà   * Xuống lớp | 3-5’  4- 5’ | 2 lần | * GV nêu tên trò   chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.   * Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật * Cho HS chạy XP cao 20m * Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi BT1. * GV hướng dẫn * Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs. * VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | * Chơi theo đội hình vòng tròn     HS chạy kết hợp đi lại hít thở   * HS trả lời * HS thực hiện thả lỏng * ĐH kết thúc        |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: EM VÀ MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU ( tt)**

***TÌM HIỂU VÀ ĐỀ XUẤT NHỮNG VIỆC LÀM ĐỂ XÂY DỰNG HÌNH ẢNH CỦA BẢN THÂN***

**I.Mục tiêu:** HS:

*\*Kiến thức:*

* Chỉ ra được hình ảnh thân thiện, vui vẻ của bản thân.
* Nói được những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn.
* Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận khi làm quà tặng bạn.
* Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp.

*\*Năng lưc, phẩm chât:*

- NL giao tiếp và hợp tác: Nói lời phù hợp khi giao tiếp với bạn

- NL thích ứng với cuộc sống: Nhận diện được hình ảnh thân thiện vui vẻ của bản thân. Thể hiện sự khéo léo, cẩn thận khi làm sản phẩm tặng bạn. Chia sẻ những việc làm thể hiện tình bạn.

- NL thiết kế và tổ chức: Tham gia được các hoạt động chung của trường lớp

- PC chăm chỉ: Thể hiện trong lao động nền nếp, gọn gàng trong sinh hoạt và học tập.

- PC nhân ái: Vui vẻ thân thiện với các bạn khi trở lại trường học. Hợp tác chia sẻ với các bạn khi tham gia công việc chung của trường, lớp.

**II. Chuẩn bị:**

-Bảng phụ, giấy A3; quả bóng nhỏ;

- Giấy bìa màu, bút chì; bút màu, thước kẻ; hồ dán…

**III.Hoạt động của giáo vên và học sinh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG**  - HS bắt bài hát  -GV nêu nhiệm vụ học tập | * HS hát * Hs lắng nghe |
|  | **B.TÌM HIỂU MỞ RỘNG** |  |
| ***15’*** | ***HĐ1.****Tim hiểu những việc làm để xây dựng hình ành của bản thân*  -GV yêu cầu một HS đọc nhiệm vụ hoạt động 3 trang SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 8 cho cả lớp nghe và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của HS.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi với bạn dựa theo gợi ý của bốn tranh để nêu những việc làm mình có thể thực hiện để xây dưng hình ảnh của bản thân  -GV gọi 4-5 HS chia sẻ trước lớp về những việc các em cần làm để xây dụng hình ảnh bản thân.  -GV yêu cầu HS vể nhà thực hiện nhũng việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân như các em đã chia sẻ trong nhóm/trước lớp.  -GV tổng kết hoạt động. | -Hs đọc và nêu nhiệm vụ  -HS hoạt động theo nhóm  -HS chia sẻ trước lớp  Tranh 1 : Chăm tập thể dục, thể thao hoặc chơi một môn thể thao vừa sức.  Tranh 2: Chăm chỉ học tập và rèn luyện, tự học và tự mình vượt qua những khó khăn trong học tập và rèn luyện.  Tranh 3: Thân thiện, hoà đồng vổd bạn bè, nhường nhịn, chia sẻ với bạn trong vui chơi và giao tiếp hằng ngày.  Tranh 4: Tích cực rèn luyện bàn thân, có trách nhiệm vói bản thân, thể hiện sự tôn trọng mình và tôn trọng người khác, biết nhận lỗi và sửa lỗi.  -HS lắng nghe |
| ***15’*** | *HĐ2:Để xuất những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân*  -GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ hoạt động 4 trong SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 9 cho cả lớp nghe và kiểm tra HS đã hiểu nhiệm-GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về những việc HS cỏ thể làm để xây dựng hình, ảnh bản thân theo bốn gợi ý ở sơ đồ trong SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 9 | -HS đọc và nêu nhiệm vụ  -HS hoạt động cá nhân  -HS lắng nghe |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ - DẶN DÒ:**  -GV: Em đã làm những việc gì để thể hiện sự thân thiện, vui vẻ?  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Nhắc nhở HS thể hiện sự thân thiện, vui vẻ. | -HS trả lời  -HS lắng nghe và thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

**Thứ Năm ngày 15 tháng 9 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT.**

***Bài : ÚT TIN***

***-MRVT: Trẻ em (tt)***

***-Nghe kể: Thử tài***

***(Tiết 3 + 4)***

***I. Mục tiêu:***Giúp HS:

\*Kiến thức:

1. MRVT về trẻ em (từ ngữ có tiếng sách, học); đặt câu với từ ngữ tìm được.

2. Nghe – kể: Thử tài.

**\* Phẩm chất, năng lực**

- Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc nhóm

***II. Chuẩn bị:***

.– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện Thử tài (nếu có).

– Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***Hoạt động của Giáo viên*** | ***Hoạt động của Học sinh*** |
| ***2’*** | ***A.Hoạt động khởi động:***  - GV cho HS bắt bài hát  - GV giới thiệu bài  - GV ghi bảng tên bài | * Hs hát * HS lắng nghe |
| ***15’*** | ***3. Luyện từ***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.  – HD HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật Khăn trải bàn, mỗi HS tìm 2 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.  – HD HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).  – GV nhận xét kết quả. | – HS xác định yêu cầu của BT 3  – HS tìm từ ngữ theo yêu cầu  – HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được |
| ***19’*** | ***4.Luyện câu***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 4.  – HD HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.74  – HD HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.  – HS nghe bạn và GV nhận xét câu.  – HD HS viết vào VBT một câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.  – Yêu cầu HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn. | – HS xác định yêu cầu của BT 4    – HS làm việc trong nhóm đôi.   * HS chia sẻ trước lớp   – HS viết vào VBT 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3. |
|  | ***5. Kể chuyện (Nghe – kể)*** |  |
| *THỬ TÀI*  *1. Ngày xưa có một cậu bé rất thông minh. Nhà vua muốn thử tài, bèn cho gọi cậu đến, bảo: – Ngươi hãy về lấy tro bếp bện cho ta một sợi dây thừng. Nếu làm được, ta sẽ thưởng.*  *2. Cậu bé về nhờ mẹ chặt cây tre trong vườn, chẻ nhỏ rồi bện thành một sợi dây thừng. Bện xong, cậu cuộn tròn sợi dây, đặt trên chiếc mâm đồng, phơi cho khô rồi đốt thành tro. Khi lửa tắt, đám tro hiện rõ hình cuộn cây. Cậu đem dâng vua.*  *3. Vua mừng lắm nhưng vẫn muốn thử tài lần nữa. Lần này, vua đưa cho cậu bé chiếc sừng trâu cong như vòng thúng, bảo:*  *– Ngươi hãy nắn thẳng chiếc sừng này cho ta. Nếu được, ta sẽ thưởng to.*  *4. Cậu bé về nhà, bỏ sừng trâu vào cái chảo lớn, đổ đầy nước rồi ninh kĩ. Sừng trâu mềm ra và dễ uốn. Cậu lấy đoạn tre vót nhọn thọc vào sừng trâu rồi đem phơi khô. Khi rút đoạn tre, chiếc sừng trâu đã được uốn thẳng. Thấy cậu bé thực sự thông minh, nhà vua bèn thưởng rất hậu và đưa cậu vào trường học để nuôi dạy thành tài.*  *Theo Truyện cổ dân tộc Dao* | | |
| ***15’*** | ***5.1. Nghe GV kể chuyện Thử tài***  – Yêu cầu HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.  –GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.  – GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện. | – HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.  – HS nghe GV kể lần 1  – HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.  – HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai |
| ***10’*** | ***5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện***  – Yêu cầu HS quan sát tranh và câu gợi ý để kể lại từng đoạn, 2 đoạn của câu chuyện trước lớp.  – HD HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)  – HD Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện. | – HS quan sát tranh     * HS làm việc theo nhó * HS chia sẻ trước lớp   – HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện. |
| ***7’*** | ***5.3. Kể toàn bộ câu chuyện***  – Yêu cầu HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.  – Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.  – Yêu cầu HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện. | – HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi  – HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp  -HS chia sẻ  GDHS:Nhận biết đươc những việc mình làm tốt trong cuộc sống hang ngày. |
| ***3’*** | ***C.Hoạt động củng cố và nối tiếp:4’***  (?) Nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

***Rút kinh nghiệm:***

**TOÁN**

***NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)***

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.

* Vận dụng GQVĐ liên quan:

- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***3’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát |
| ***20’* B.LUYỆN TẬP :** | | |
|  | *Hoạt động: Luyện tập*  *\*Bài 1:*  *-*Nêu yêu cầu bài tập  - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.  (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)  -GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói.   * Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”. * - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm việc theo nhóm  -HS trả lời |
|  | **Bài 2:**  -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (10 cm - 6 cm = 4 cm).  -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.  -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chênh lệch.  -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.  Ví dụ:  - GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  HS 1. Báiih nhiều hơn kẹo 7 cái.  HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***12’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chêiìh lệch.  - GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.  Ví dụ:  GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.  -GV nhận xét, tuyên dương | -HS chơi trò chơi    -HS trả lời, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

**Thứ Sáu ngày 16 tháng 9 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT.**

***Bài : ÚT TIN***

***-Viết thời gian biểu***

***-Đọc một bài đọc về trẻ em***

***(Tiết 5 + 6)***

***I. Mục tiêu:***Giúp HS:

\*Kiến thức:

1. Lập thời gian biểu một buổi trong ngày.

2. Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em.

3. Trang trí thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu

**\* Phẩm chất, năng lực**

- Lập thời gian biểu và làm mọi việc theo thời gian biểu.

- Thân thiện, hòa nhã biết giúp đỡ bạn bè

***II. Chuẩn bị:***

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

– Bài viết đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em để hướng dẫn HS luyện đọc.

– HS mang tới lớp bài đọc đã đọc.

– HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí thời gian biểu

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***Hoạt động của Giáo viên*** | ***Hoạt động của Học sinh*** |
| ***3’*** | ***A.Hoạt động khởi động:***  - GV cho HS bắt bài hát  - GV giới thiệu bài  - GV ghi bảng tên bài | * Hs hát * HS lắng nghe |
| ***7’*** | ***6. Tự giới thiệu***  ***6.1. Phân tích mẫu***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc lại bài Thời gian biểu và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.  – HD Một vài HS nói trước lớp.  – HS nhận xét về cách bạn Đình Anh trình bày thời gian biểu. | – HS xác định yêu cầu của BT  – HS chia sẻ trước lớp  – HS nhận xét |
| ***10’*** | ***6.2. Viết thời gian biểu***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày và thời gian làm mỗi việc.  – HD HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày.  – Một vài HS đọc bài trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét | – HS xác định yêu cầu của BT  – HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày  – HS chia sẻ trước lớp |
| ***15’*** | ***C. Vận dụng***  ***1. Đọc mở rộng***  ***1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về trẻ em***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 1a.  – HD HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết,…  –Hd Một vài HS chia sẻ trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét. | ***-***– HS nhắc lại nội dung bài  – HS xác định yêu cầu của BT 1a.  – HS chia sẻ |
|  | ***1.2. Viết Phiếu đọc sách (VBT)***  – Yêu cầu HS viết vào Phiếu đọc sách tên bài đọc, tác giả, thông tin em biết.  – HD Một vài HS chia sẻ Phiếu đọc sách trước lớp.  – HS nghe bạn và GV nhận xét | – HS viết vào Phiếu đọc sách tên bài đọc, tác giả, thông tin em biết.   * HS chia sẻ |
| ***10’*** | ***2. Chơi trò chơi Hoạ sĩ nhí.***  ***2.1. Trang trí thời gian biểu***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 2a.  – HD HS trang trí thời gian biểu một buổi trong ngày và chia sẻ với bạn cách trang trí của em.  – HS nghe bạn và GV nhận xét về cách trang trí thời gian biểu.  . | – HS xác định yêu cầu của BT 2a.  – HS trang trí thời gian biểu |
| ***7’*** | ***2.2. Nói với bạn việc làm em viết trong thời gian biểu***  – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 2b.  – HD HS trao đổi trong nhóm đôi.  – HS nghe bạn nhận xét. | – HS xác định yêu cầu của BT 2b  – HS trao đổi trong nhóm đôi. |
| ***3’*** | ***C.Hoạt động củng cố và nối tiếp:4’***  (?) Nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

***Rút kinh nghiệm:***

**TOÁN**

***EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ ( Tiết 1)***

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

* Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
* Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
* Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
* Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -Trò chơi: ĐỐ BẠN  +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?  +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.  +GV: Gộp 80 và 7 được số nào?  +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.  -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.  -GV vào bài | -HS chơi |
| ***22’* B.LUYỆN TẬP :** | | |
|  | *Hoạt động: Luyện tập*  ***Bài 1:***  -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biêt   * Yêu cầu của bài: số?. * Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). * Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.   Ví dụ:   1. Em đếm thêm 1. 2. Em đếm thêm 2. 3. Em đếm thêm 10.  * - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm ở bảng con  -HS trả lời |
| ***’*** | **Bài 2:**   * HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện. * Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. * Viết bổn pliép tính với ba số: 73; 70 và 3. * Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.   Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình  -HS nêu  -G nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**  -Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện  34 + 52 = 86  34 là số hạng  52 là số hạng  86 là tổng  -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia.  -HS thay ? bằng phép tính thích hợp  -GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 4:**   * HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính * HS thực hiện (bảng con). * Sửa bài. * HS làm tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính). * Lưu ý HS đặt đúng phép tính 8 + 41   -GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***5’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

***GIÁO DỤC THỂ CHẤT***

# Bài 1: CHUYỂN ĐỘI HÌNH HÀNG DỌC, HÀNG NGANG THÀNH ĐỘI HÌNH VÒNG TRÒN.

**( tiết 3)**

1. **Mục tiêu bài học**
   1. **Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

* Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

# Về năng lực:

* + 1. **Năng lực chung:**
* Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn trong sách giáo khoa.
* Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

# Năng lực đặc thù:

* NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
* NL vận động cơ bản: Thực hiện được cách chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được cách chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn.

# Địa điểm – phương tiện

* **Địa điểm**: Sân trường

# Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

# Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp dạy học chính: Làm mẫu, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi và thi đấu.
* Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt( tập thể), tập theo nhóm.

# Tiến trình dạy học

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu** | 5 – 7’ |  |  | Đội hình nhận lớp        - HS khởi động theo GV. |
| Nhận lớp |  |  | Gv nhận lớp, thăm |
|  |  |  | hỏi sức khỏe học sinh |
|  |  |  | phổ biến nội dung, |
|  |  |  | yêu cầu giờ học |
| Khởi động |  | 2x8N | - GV HD học sinh |
| - Xoay các khớp cổ |  |  | khởi động. |
| tay, cổ chân, vai, |  |  |  |
| hông, gối,... |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| - Trò chơi “mèo đuổi chuột”  tc mèo đuổi chuột  **II. Phần cơ bản:**  **- Kiến thức.**   * Ôn chuyển đội hình hàng dọc thành đội hình vòng tròn. * Ôn chuyển đội hình hàng ngang thành đội hình hàng dọc.   -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Thi đua giữa các tổ | 2-3’  16-18’  3-5’ | 1. lần 2. lần   1 lần | - GV hướng dẫn chơi  GV nhắc lại cách thực hiện và phân tích kĩ thuật động tác.  Cho 1 tổ lên thực hiện cách chuyển đội hình.  GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương   * GV hô - HS tập theo GV. * GV quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS * GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. * GV và HS nhận xét đánh giá tuyên   dương. | * HS Chơi trò chơi.      * HS nghe và quan sát GV         HS tiếp tục quan sát   * Đội hình tập luyện đồng loạt.     ****    ĐH tập luyện theo tổ            GV    * Từng tổ lên thi đua * trình diễn |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| * Trò chơi “chạy tiếp sức”.   tc chạy tiếp sức   * Bài tập PT thể lực:   **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**   * Thả lỏng cơ toàn thân. * Nhận xét, đánh giá chung của buổi học. * Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà * Xuống lớp | 4- 5’ | 2 lần | * GV nêu tên trò   chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.   * Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật * Chạy nhanh 20m xuất phát cao * Yêu cầu HS thực hiện BT3 . * GV hướng dẫn * Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs. * VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Chơi theo đội hình hàng dọc   -- --------   -----------    HS chạy kết hợp đi lại hít thở   * HS thực hiện * HS thực hiện thả lỏng * ĐH kết thúc        |

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI**

***NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH***

**( Tiết 1 )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau bài học, HS:

* Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.
* Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra ý kiến, phân tích và ra quyết định để giải quyết tình huống trong bài học; Mô tả được mốt số nghề nghiệp.

- Phẩm chất cham chỉ: Yêu thích lao động

**II.** **THIẾT BỊ DẠY HỌC**

* GV: bài hát, tranh tình huống, giấy A0.
* HS: SGK, VBT, giấy màu, kéo, keo dán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***5’***  ***27’***  ***3’*** | **1. Hoạt động khởi động và khám phá**  - GV tổ chức cho HS cùng hát một bài hát về nghề nghiệp :Anh phi công ơi;  - HS trả lời câu hỏi: Bài hát nói đến nghề nào? Em biết gì về nghề đó?   * GV mời 2 - 3 HS trả lời. * GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “Nghề nghiệp của người thân trong gia đình”.   - GV ghi tựa bài lên bảng, vài HS nhắc lại.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận**   * GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3 trong SGK trang 12 và trả lời câu hỏi: Bố và mẹ Lan làm nghề gì? Nói về ý nghĩa của nghề đó? * GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận. * ***Kết luận:*** Bố Lan làm thợ điện, mẹ Lan làm thợ may. Các chú, bác thợ điện giúp lắp đặt, sữa chữa,... đường dây điện để chúng ta có điện sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày; Cô, bác thợ may giúp chúng ta có quần áo để mặc, góp phần làm đẹp cho mọi người.   **Hoạt động 2: Quan sát hình và làm việc cặp đôi**   * GV treo các hình 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong SGK trang 13 (hình phóng to) hoặc trình chiếu hình và yêu cầu của hoạt động lên bảng. * HS thảo luận nhóm đôi, hỏi - đáp theo các câu hỏi:   + Người trong hình làm nghề gì?  + Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?   * GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ hình và hỏi - đáp trước lớp. * ***Kết luận:*** Mỗi nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích khác nhau cho gia đình và xã hội xung quanh.   **Hoạt động 3: Thực hành liên hệ bản thân**   * HS hỏi - đáp nhau theo các câu hỏi: Kể về công việc của những người thân trong gia đình bạn? Bạn biết gì về những công việc đó? * GV mời các cặp HS lên hỏi - đáp trước lớp.   GV GDHS: Dù cho người than chúng ta có làm những công việc gì thì chúng ta phải biết yêu thương kính trọng.   * ***Kết luận:*** Có rất nhiều nghề nghiệp khác nhau. Mỗi công việc, nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích cho gia đình và cho xã hội.   GV dẫn dắt để HS đọc được nội dung trọng tâm bài học  **3. Hoạt động tiếp nối sau bài học**  GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị:  + Sưu tầm tranh, ảnh trên sách, báo,. về những công việc, nghề nghiệp xung quanh.  + Tranh vẽ hoặc ảnh chụp nghề nghiệp của một người thân trong gia đình em.  - GV nhận xét tiết học. | - Cả lớp hát bài hát  - 2-3 HS trả lời.  - HS nghe.  - Vài HS nhắc lại tựa bài.  -HS quan sát hình trả lời  -HS tham gia nhận xét  -HS lắng nghe  - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi.  - 2-3 cặp HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét.  - HS nghe.  - Vài HS đọc yêu cầu.  -Vài cặp HS lên hỏi - đáp trước lớp  -HS lắng nghe  - HS chú ý lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

**Thứ Bảy ngày 17 tháng 9 năm 2022**

**ĐẠO ĐỨC**

***QUÝ TRỌNG THỜI GIAN ( Tiết 2)***

***I.Mục tiêu:***

***\*Kiến thức***

* Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.
* Nêu được vì sao phải quý trọng thời gian.
* Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.

***\*Phẩm chất và năng lực:***

* Nhận ra được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.
* Thể hiện được sự quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí.
* Biết được vì sao phải quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí.
* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
* - Chăm chỉ: Chủ động được việc sử dụng thời gian một cách hợp lí và hiệu quả.

***II.Chuẩn bị :***

- Bộ tranh, video clip về đức tính chăm chỉ.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- SGK. Vở bài tập Đạo đức 2.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

***III.Hoạt động của giáo viên và học sinh***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TL | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG:**  - Hs bắt bài hát  - GV giới thiệu nối dung bài học | -HS hát |
| ***10’* B.LUYỆN TẬP:** | | |
|  | **Hoạt động 1 : Nhận xét về lời nói, việc làm của cốm.**  **Mục tiêu:** Giúp HS xác định được hành động thể hiện biết sử dụng thời gian hợp lí.  **Tổ chức thực hiện:**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi. Mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh và đưa ra nhận xét về lời nói, việc làm của bạn Cốm.  + Bạn Cốm đõ làm gì và nói gì với mẹ?  + Lời nói, việc làm của bạn Cốm có phải là biểu hiện biết quý trọng thời gian không? Vì sao?  + Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn Cốm?  + Em thấy mình có thể học tập cách sửdụng thời gian như bạn Cốm không?, v.v.  -GV cho các nhóm báo cáo kết quả luyện tập theo các hình thức khác nhau: trả lời miệng, sắm vai,...  - GV nhận xét và sơ kết hoạt động | -HS làm việc theo nhóm đôi.  -HS tìm hiểu, thảo luận   * Cốm luôn tranh thủ thời gian rảnh rỗi để tập đàn. Vì thế, việc học đàn của bạn có nhiều tiến bộ, được mẹ khen. * Bạn đã biết sử dụng thời gian cho những việc có ích một cách hợp lí. |
|  | Hoạt động 2: Em sẽ khuyên Bin điều gì trong tình huống sau?   * GV cho HS làm việc theo nhóm đôi. * Mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh, suy nghĩ và đưa ra lời khuyên thích hợp cho bạn Bin. * GV khuyến khích HS liên hệ bản thân, kể lại một số việc làm cho thấy bản thân các em đã biết sắp xếp công việc, sử dụng thời gian hợp lí như thế nào. * GV nhận xét, kết luận | -HS làm việc theo nhóm đôi: quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh, suy nghĩ và đưa ra lời khuyên thích hợp cho bạn Bin.   * Bin đã làm thiệp sinh nhật trước (dù việc này chưa gấp); do vậy không kịp làm bài tập (là việc quan trọng hơn). * Bin chưa biết sắp xếp công việc và sử dụng thời gian hợp lí. * Bin nên vẽ xong tranh dự thi trước để kịp nộp cho thầy; việc làm thiệp sinh nhật tặng Cốm nên thực hiện sau khi vẽ tranh dự thi hoặc làm vào hôm sau. * HS liên hệ bản thân |
|  | Hoạt động 3: sắm vai Tin xử lí tình huống.   * GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và cho các em sắm vai xử lí tình huống * GV cho HS quan sát tranh để nắm được nội dung tình huống, sau đó gợi ý để các nhóm phân tích, xử lí tình huống qua hình thức sắm vai.   GV gợi ý:  + Tin đang làm gì? Chú của Tin đã đề nghị điều gì?  + Nếu lò Tin, em sẽ nói với chú thế nào và sẽ làm gì trong tình huống đó?   * GV mời một nhóm thể hiện cách xử lí của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. Sau đó GV mời thêm 1 - 2 nhóm có cách xử lí khác lên thể hiện. * GV tổ chức cho cả lớp trao đổi, thảo luận về những cách xử lí mà các nhóm vừa thể hiện; sơ kết và dẫn dắt sang hoạt động sau. | HS làm việc theo nhóm 4:   * (1 HS sắm vai Bin, 1 HS sắm vai chú của Bin, 2 HS quan sát, nhận xét, góp ý; sau đó đổi ngược lại: 2 HS đã sắm vai sẽ quan sát, nhận xét, góp ý; 2 HS đã quan sát, nhận xét, góp ý sẽ sắm vai). * GV cho HS quan sát tranh để nắm được nội dung tình huống * HS thể hiện trước lớp * HS trao đổi thảo luận |
| ***22’* C.VẬN DỤNG** | | |
|  | Hoạt động 1: Chia sẻ với các bạn về những việc làm thể hiện em đã biết hoặc chưa biết quý trọng thòi gian.   * GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 hoặc 6; trong mỗi nhóm, các em chia sẻ với nhau về những việc làm thể hiện bản thân đã biết hoặc chưa biết quý trọng thời gian. * Mỗi nhóm lựa chọn một việc làm thể hiện biết quý trọng thời gian, một việc làm thể hiện chưa biết quý trọng thời gian để chia sẻ trước lớp.   GV chọn 1 - 2 chia sẻ của HS về việc làm thể hiện chưa biết quý trọng thời gian và cho cả lớp tiếp tục thảo luận câu hỏi: Theo các em, bạn nên làm gì để khác phục thiếu sót đó? nhằm giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng sâu sắc hơn.   * GV nhận xét, kết luận | -HS làm việc theo nhóm  -HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp |
|  | Hoạt động 2: Lập thời gian biểu trong ngày của em.   * GV cho HS đọc, tìm hiểu về thời gian biểu của Tin.   Câu hỏi gợi ý:  + Thời gian biểu là gì?  + Đọc thời gian biểu của Tin, em thấy thời gian biểu gôm những nội dung gì?  + Em đã có thời gian biểu chưa? Đó là thời gian biểu của Tin thời gian biểu của ngày/ngày nghỉ?  + Em xây dựng thời gian biểu như thế nào?,...  -GV kết luận: Để lập được thời gian biểu cho một ngày/tuần, trước hết em cần liệt kê tất cả những việc làm cân thiết trong ngày/tuần; sau đó: 1) đánh số cóc việc làm theo thứ tự ưu tiên: việc quan trọng làm trước, việcchươ quan trọng làm sau; 2) xác định thời gian để thực hiện từng việc làm; 3) lập thời gian biểu; 4) thực hiện theo thời gian biểu; 5) điều chỉnh thời gian biểu nếu cân thiết.   * GV cho HS thực hành làm thời gian biểu ở lớp (HS có thể sử dụng mẫu như gợi ý trong SGK). * GV quan sát và hỗ trợ HS nếu cần. * GV tổng kết hoạt động. | * -HS đọc, tìm hiểu về thời gian biểu của Tin.   -Bảng kê trình tự thời gian và những việc làm ứng với thời gian đó; thời gian biểu giúp chúng ta quản lí thời gian, thực hiện sinh hoạt, học tập có kế hoạch, nền nếp  ­-Thời gian và các hoạt động trong ngày của Tin  -HS thực hành làm thời gian biểu |
|  | Hoạt động 3: Thực hiện những việc làm theo thời gian biểu và điều chỉnh khi cần thiết; và hoạt động 4: Nhắc nhờ bạn và người thân thực hiện những việc làm thể hiện sự quý trọng thời gian.  -GV nhắc nhở HS:  + Lập thời gian biểu và thực hiện theo thời gian biểu.  + Khi có những thay đổi (ví dụ: không học đàn, chuyển sang học bơi; thay đổi chỗ ở xa/gần trường học hơn; thêm/bớt hoạt động,...), HS cần biết xác định tính chất của những thay đổi đó (quan trọng/không quan trọng; ưu tiên/không ưu tiên; nhất thời/lâu dài,...) để có những điều chỉnh thích hợp.  -Động viên, nhắc nhở bạn bè và người thân cùng thực hiện những việc làm thể hiện việc quý trọng thời gian.   * Sưu tắm, chia sẻ với bạn bè những câu đanh ngôn, ca dấa tục ngữ, . nói về thời gian, ích lợi của việc biết quý trọng thời gian, tác hại của việc lãng phí thời gian. | GDHS thực hành lập thời gian biểu của mình.  -HS thực hiện |
| ***3’*** | **C.Củng cố- dặn dò**  -GV cho HS đọc và thảo luận về bài thơ trong phần Ghi nhớ, SGK Đạo đức 2, trang 9.  Câu hỏi gợi ý:  + Em hiểu thế nào về 2 câu thơ: "Thời gian thấm thoắt thoi đưa/Nó đi đi mãi không chờ đợi ai"?  + Vì sao bài thơ lại khuyên "Việc nay chớ để ngày mai/Không nên trì hoãn kéo dài thời gian"?  + Bài thơ giúp em hiểu thêm điều gì về thời gian và cần làm gì để sử dụng thời gian một cách hiệu quả?...   * GV nhận xét, đánh giá, tổng kết bài học; căn dặn HS tập thói quen sử dụng thời gian biểu. | -HS thảo luận chia sẻ |

*Rút kinh nghiệm:*

**ÂM NHẠC**

## ***HỌC HÁT: NGÀY MÙA VUI LỜI 2***

## ***NHẠC CỤ: LÀM QUEN GÕ THANH PHÁCH. LUYỆN TẬP MẪU ÂM***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Khám phá sự khác nhau của các âm thanh trong cuộc sống và trong âm nhạc.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực chung:***

- Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân sau khi nghe bài hát *Ngày mùa vui*

- Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng

- Tích cực, chủ động, sáng tạo thông qua hoạt động đọc nhạc và chơi nhạc cụ.

***\*Năng lực âm nhạc:***

- Bước đầu cảm nhận về đặc trưng của âm thanh trong cuộc sống và trong âm nhạc qua hoạt động khám phá.

- Hát bài hát *Ngày mùa vui* với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; hát rõ lời và thuộc lời, duy trì được tốc độ ổn định; nêu được lên bài hát và tên tác giả.

- Đọc đúng tên nốt; bước đầu thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm.

- Bước đầu chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách; thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu; biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát *Ngày mùa vui*.

- Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.

**3. Phẩm chất**:

- Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên

- Kính trọng, biết ơn người lao động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- SGV, đồ dùng, tranh ảnh... để tổ chức các hoạt động

- Nhạc cụ và các phương tiện nghe – nhìn, các file học liệu điện tử

**2. Học sinh:** sgk, nhạc cụ gõ (hoặc nhạc cụ gõ tự tạo).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu**: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho học sinh và kết nối với bài học.  **Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm, tổ chức cho HS các nhóm hát lời 1 bài hát “*Ngày mùa vui*”, khuyến khích HS hát và vận động theo nhịp (tự sáng tạo vận động)  - GV dẫn dắt HS vào tiết học mới.  **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**  **Hoạt động 1: Học hát – *Ngày mùa vui* (lời 2)**  **Mục tiêu:**  - Kính trọng, biết ơn người lao động.  - Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân sau khi nghe bài hát *Ngày mùa vui*  - Hát bài hát *Ngày mùa vui* với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; hát rõ lời và thuộc lời, duy trì được tốc độ ổn định; nêu được lên bài hát và tên tác giả.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.  **Cách tiến hành:**  **-** GV cho cả lớp cùng hát một lượt lời 1 của bài hát *Ngày mùa vui*  - GV đàn và hát mẫu cho HS nghe một lượt lời hai của bài hát    - GV cùng HS chia câu hát lời 2 của bài hát:  *+ Câu hát 1: Nhịp nhàng... reo cười*  *+ Câu hát 2: Ai gánh lúa ... màu thóc vàng*  *+ Câu hát 3: Hội mùa ... yêu thương*  *+ Câu hát 4: Ngày mùa ... vui hơn*  - GV dạy HS hát từng câu, nối câu. GV đánh chỗ lấy hơi và nhắc HS biết lấy hơi đúng chỗ đã đánh dấu.  - GV cho cả lớp hát lời 2 bài hát, có nhạc đệm.  - GV cho cả lớp hát 2 lời của bài hát kết hợp vận động cơ thể hoặc nhạc cụ gõ đơn giản (tambourine, thanh phách,….)  - GV hướng dẫn HS luyện hát cả bài theo các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca.  **Hoạt động 2: Nhạc cụ**  **Mục tiêu:**  + Tích cực, chủ động, sáng tạo thông qua hoạt động đọc nhạc và chơi nhạc cụ.  **+** Bước đầu chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách; thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu.  **Cách tiến hành:**  - GV dùng tiết tấu trong bài dạy để tạo trò chơi hỏi đáp kết hợp vận động nhằm giúp HS biết được tiết tấu.  Ví dụ: tiết tấu: **ta - ta - ta - um:** *Này bạn ơi; Có tôi đây; Có tiếng gì; Có tiếng chim.*  - GV làm mẫu cho HS quan sát và hướng dẫn HS thực hiện các mẫu luyện tập.  Ví dụ: đen - lặng đen - đen - lặng đen đọc thành: **ta - um - ta - um** (um: ngậm môi, không phát ra tiếng).  - GV làm mẫu trước các mẫu luyện tập thanh phách, tambourine và vận động cơ thể sau đó hướng dẫn cho HS; đổng thời quan sát và sửa lỗi.      - GV tổ chức cho HS cùng hoà tấu nhạc cụ gõ, sau đó thay đổi nhạc cụ giữa các nhóm với nhau để các HS đều có thể trải nghiệm được tất cả các loại nhạc cụ; khích lệ các em tương tác, giao lưu và làm việc nhóm với nhau. | - HS hát bài hát theo nhóm  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  - HS cả lớp hát lời 1 của bài hát  - HS nghe GV hát  - HS cùng GV chia câu  - HS nắm rõ các câu  - HS học hát từng câu  - HS chú ý lấy hơi  - HS hát lời 2 của bài hát  - HS học hát kết hợp với vận động  - HS luyện tập hát bài hát  - HS tham gia trò chơi kết hợp với vận động để biết được tiết tấu.  - HS quan sát luyện tập theo hướng dẫn của GV  - HS thực hành luyện tập thanh phách, tambourine và vận động cơ thể  - HS thực hiện hòa tấu các loại nhạc cụ |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

***NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH***

**(Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau bài học, HS:

* Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.
* Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra ý kiến, phân tích và ra quyết định để giải quyết tình huống trong bài học.Mô tả được mốt số nghề nghiệp

- Chăm chỉ: Yêu thích lao động

**II.** **THIẾT BỊ DẠY HỌC**

* GV: bài hát, tranh tình huống, giấy A0.
* HS: SGK, VBT, giấy màu, kéo, keo dán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***5’***  ***27’***  ***3’*** | **1. Hoạt động khởi động và khám phá**   * GV tổ chức trò chơi “Đố vui”. * GV mời một số HS lên bảng mô tả bằng lời về nghề nghiệp của một người thân trong gia đình mình (những việc làm hằng ngày và ích lợi của nghề nghiệp đó). * HS khác cùng đoán về nghề nghiệp được bạn nói đến. * GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.   - GV ghi tựa bài lên bảng, vài HS nhắc lại.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận**   * GV tổ chức cho HS quan sát các hình 10, 11, 12, 13 trong SGK trang 14 (hoặc có thể chiếu bằng máy chiếu cho HS quan sát). * GV đặt câu hỏi:   + Mọi người trong hình đang làm gì?  + Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?  + Công việc tình nguyện là công việc như thế nào? Những người làm công việc tình nguyện có nhận lương không?   * GV mời 4 HS lên bảng lần lượt chỉ vào các hình trên bảng và nói về nội dung các hình. * HS và GV cùng nhận xét. * ***Kết luận:*** Có những công việc, nghề có thu nhập nhưng cũng có những công việc tình nguyện không nhận lương, những công việc đó thường là những công việc tình nguyện, thiện nguyện, góp phần mang lại ý nghĩa lớn cho cộng đồng xung quanh, thể hiện sự yêu thương và chia sẻ.   **Hoạt động 2: Sưu tầm tranh, ảnh và chia sẻ thông tin về các công việc xung quanh**   * HS chuẩn bị các tranh, ảnh, thông tin đã sưu tầm, chuẩn bị. * HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi:   + Bạn đã sưu tầm thông tin về những công việc, nghề nghiệp nào?  + Đó là công việc có thu nhập hay công việc tình nguyện không nhận lương?  + Những công việc đó mang lại ích lợi gì cho mọi người xung quanh?   * GV mời 2 đến 3 nhóm HS báo cáo trước lớp. * HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận. * ***Kết luận:*** Có nhiều công việc tình nguyện quanh em: giúp đỡ HS trong mùa thi; giúp đỡ người già ở viện dưỡng lão; chăm sóc các em nhỏ tật nguyền, trẻ mồ côi;...   **Hoạt động 3: Thực hành làm và chia sẻ về “Cây nghề nghiệp mơ ước”**   * GV chia lớp thành các nhóm.   + Mỗi HS chuẩn bị một tờ giấy màu, kéo, bút viết.  + Cắt tờ giấy màu thành hình bông hoa hoặc quả.  + Viết lên tờ giấy một nghề nghiệp yêu thích.  + Dán tờ giấy lên “Cây nghề nghiệp mơ ước” của nhóm.  + Giới thiệu với các bạn về nghề nghiệp mơ ước của mình.   * GDHS: Mỗi bạn đều ước mơ sau này làm một nghề nghiệp yêu thích. Các em hãy cùng nhau cố gắng học tập chăm chỉ để sau này thực hiện được ước mơ của mình. * GV dẫn dắt để HS rút ra bài học.   GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: “Nghề nghiệp - Tình nguyện - Yêu thích”.  **3. Hoạt động tiếp nối sau bài học**  - GV yêu cầu HS chia sẻ với người thân trong gia đình về nghề nghiệp yêu thích của mình.  - GV nhận xét tiết học. | - Cả lớp chơi trò chơi  1 HS mô tả - Lớp đoán nghề nghiệp  - HS nghe.  - Vài HS nhắc lại tựa bài.  -HS quan sát hình  -HS trả lời  -HS lên bảng nói về nội dung các hình  -Hs nhận xét  -Hs lắng nghe  - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi.  - 2-3 cặp HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét.  - HS nghe.  -HS làm việc theo nhóm:  Trình bày nghề nghiệp mình yêu thích  -HS chia sẻ với các bạn về nghề nghiệp mơ ước của mình  - HS chú ý lắng nghe.  -HS chia sẻ với người thân về nghề nghiệp yêu thích của mình |

*Rút kinh nghiệm:*

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SHL *:THAM GIA XÂY DỰNG NỘI QUY LỚP HỌC***

**I.MỤC TIÊU:**

- Báo cáo sơ kết công tác tuần

-Bầu chọn ban cán sự lớp

-Phương hướng kế hoạch tuần tới

**II. CHUẨN BỊ:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

- Phiếu bầu; thùng đựng phiếu bầu; phiếu đánh giá….

**III.Hoạt động của giáo vên và học sinh:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG**  -HS bắt bài hát  -Gv nêu mục tiêu bài học | -HS hát |
| ***7’*** | **B.BÁO CÁO SƠ KẾT CÔNG TÁC TUÂN** - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần. | -HS lắng nghe |
| ***15’*** | 1. **C. SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ:** 2. ***Tham gia xây dựng nội dung lớp học:*** 3. - GV tồ chức cho HS hoạt động theo tổ, thảo luận về các nội quy của nhà trường mà các em đẫ thực hiện trong 2 tuân vừa qua.   -GV gọi đại diện các tồ nêu ý kiến về việc thực hiện nội quy nhà trường của các thành viên trong tổ.   1. -GV tiếp tục cho HS hoạt động theo tổ, nêu ỷ kiến trong nhóm về lóp học mong muốn của mình, từ đó yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và đề ra các nội quy của lớp học mà các em mong muôn. 2. -GV tổng hợp ý kiến của các tổ, tổ chức cho HS biểu quyết những nội quy đã được các to thống nhất, 3. -GV tổ chức cho các tổ trang trí bảng nội quy lớp học và treo quanh lớp học. 4. -GV tổng kết hoạt động. | -HS thảo luận  -HS nêu ý kiến  -HS thảo luận trong nhóm  -Hs lắng nghe  -Hs trang trí |
| ***8’*** | **D.THẢO LUẬN KẾ HOẠCH SINH HOẠT TUẦN TIẾP THEO:**  - Thực hiện dạy tuần 3, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới. | -HS lắng nghe thực hiện  -HS lắng nghe thực hiện |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ - DẶN DÒ:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Nhắc nhở HS thể hiện sự thân thiện, vui vẻ. | -HS trả lời  -HS lắng nghe và thực hiện |

*Rút kinh nghiệm:*